

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính không liên thông trong các lĩnh vực: Bảo vệ thực vật, Trồng trọt, Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Thủy sản, Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định nhiệm kỳ 2021 – 2026;

Căn cứ Quyết định số 72/2020/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 218/TTr-SNN ngày 28 tháng 6 năm 2022 và Tờ trình số 226/TTr-SNN ngày 05 tháng 7 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ giải quyết 18 thủ tục hành chính không liên thông trong các lĩnh vực: Bảo vệ thực vật, Trồng trọt, Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Thủy sản, Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1862/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2019, Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2019, Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2020, Quyết định số 486/QĐ-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2020, Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2020, Quyết định số 2041/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2020, Quyết định số 5357/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 và Quyết định số 1952/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính không liên thông trong các lĩnh vực: Bảo vệ thực vật, Trồng trọt, Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Thủy sản, Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định này thiết lập quy trình điện tử giải quyết các thủ tục hành chính trên Hệ thống phần mềm một cửa điện tử của tỉnh theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTTC);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- VNPT Bình Định;
- TT TH-CB, P. HCTC;
- Lưu: VT, KSTT, K10, K13.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT 18 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG LIÊN THÔNG TRONG LĨNH VỰC:
BẢO VỆ THỰC VẬT, TRỒNG TRỌT, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN, KHOA HỌC CÔNG
NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG, THỦY SẢN, THÚ Y THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	STT, QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)			(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)		(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)
I. Lĩnh vực Bảo vệ thực vật								
1	STT 1, Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 31/7/2019	Cấp giấy phép vận chuyên thuốc bảo vệ thực vật 1.004509.000.00.00.H08	03 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Phòng Quản lý Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp nhận, giải quyết 1,5 ngày làm việc, cụ thể 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết: 01 ngày 3. Lãnh đạo phòng thông	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: 0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 3341/QĐ-UBND ngày 11/8/2021

STT	STT, QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					qua kết quả: 0,25 ngày			
2	STT 1, Quyết định số 2041/QĐ-UBND ngày 27/5/2020	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh) 1.004493.000.00.00.H08	05 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Phòng Quản lý Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp nhận, giải quyết 03 ngày làm việc, cụ thể 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày 3. Lãnh đạo phòng thông qua kết quả: 0,5 ngày	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: 01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 3341/QĐ-UBND ngày 11/8/2021
3	STT 3, Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật 1.004363.000.00.00.H08	21 ngày làm việc (không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ)	0,5 ngày làm việc	Phòng Quản lý Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp nhận, giải quyết 19 ngày làm việc, cụ thể	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 3341/QĐ-UBND ngày 11/8/2021

STT	STT, QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	31/7/2019				1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết: 18 ngày 3. Lãnh đạo phòng thông qua kết quả: 0,5 ngày	thực vật: 01 ngày làm việc		
			84 ngày làm việc <i>(khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian</i>	0,5 ngày làm việc	Phòng Quản lý Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp nhận, giải quyết 82 ngày làm việc, cụ thể 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết: 81 ngày 3. Lãnh đạo phòng thông qua kết quả: 0,5 ngày	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: 01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	

STT	STT, QTNB giải quyết TTTC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTTC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			<i>bổ sung, hoàn thiện hồ sơ)</i>					
4	STT 4, Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 31/7/2019	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật 1.004346.000.00.00.H08	21 ngày làm việc <i>(không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ)</i>	0,5 ngày làm việc	Phòng Quản lý Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp nhận, giải quyết 19 ngày làm việc, cụ thể 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết: 18 ngày 3. Lãnh đạo phòng thông qua kết quả: 0,5 ngày	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: 01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 3341/QĐ-UBND ngày 11/8/2021
			07 ngày làm việc <i>(không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ)</i>	0,5 ngày làm việc	Phòng Quản lý Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp nhận, giải quyết 5 ngày làm việc, cụ thể	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ	0,5 ngày làm việc	

STT	STT, QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			<i>sơ đối với cơ sở được kiểm tra, đánh giá xếp loại A theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản)</i>		1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết: 4 ngày 3. Lãnh đạo phòng thông qua kết quả: 0,5 ngày	thực vật: 01 ngày làm việc		

STT	STT, QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			84 ngày làm việc <i>(khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ)</i>	0,5 ngày làm việc	Phòng Quản lý Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp nhận, giải quyết 82 ngày làm việc, cụ thể 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết: 81 ngày 3. Lãnh đạo phòng thông qua kết quả: 0,5 ngày	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: 01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	
5	STT 5, Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	24 giờ (01 ngày)	03 giờ	Phòng Quản lý Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp nhận, giải quyết 15 giờ, cụ thể:	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ	03 giờ	Quyết định số 3592/QĐ-UBND ngày 30/8/2021

STT	STT, QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	31/7/2019	1.003984.000.00.00.H08			1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 02 giờ. 2. Chuyên viên giải quyết: 11 giờ 3. Lãnh đạo phòng thông qua kết quả: 02 giờ	thực vật: 03 giờ		
6	STT 1, Quyết định số 241/QĐ- UBND ngày 20/1/2020	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón 1.007931.000.00.00.H08	13 ngày làm việc <i>(kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân)</i>	0,5 ngày làm việc	Phòng Quản lý Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp nhận, giải quyết 11 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết: 10 ngày 3. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 0,5 ngày	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: 01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 09/1/2020

STT	STT, QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
7	STT 2, Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 20/1/2020	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón 1.007932.000.00.00.H08	13 ngày làm việc <i>(Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón thay đổi địa điểm buôn bán phân bón (từ ngày nhận hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân))</i>	0,5 ngày làm việc	Phòng Quản lý Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp nhận, giải quyết 11 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết: 10 ngày 3. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 0,5 ngày	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: 01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 09/1/2020

STT	STT, QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			05 ngày làm việc (Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng; thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên giấy chứng nhận (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ))	0,5 ngày làm việc	Phòng Quản lý Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp nhận, giải quyết 03 ngày làm việc, cụ thể 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày 3. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 0,5 ngày	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: 01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	

STT	STT, QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
8	STT 3, Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 20/1/2020	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón 1.007933.000.00.00.H08	05 ngày làm việc <i>(kể từ ngày nhận hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân)</i>	0,5 ngày làm việc	Phòng Quản lý Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp nhận, giải quyết 03 ngày làm việc, cụ thể 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày 3. Lãnh đạo phòng thông qua kết quả: 0,5 ngày	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: 01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 09/1/2020
II. Lĩnh vực Trồng trọt								
9	STT 1 Quyết định số 486/QĐ-UBND ngày 19/02/2020	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống	25 ngày làm việc <i>(Đổi với trường hợp Cấp Quyết)</i>	0,5 ngày làm việc	Phòng Quản lý Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp nhận, giải quyết 22 ngày làm việc, cụ thể:	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 06/2/2020

STT	STT, QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
		bằng phương pháp vô tính 1.008003.000.00.00.H08	<i>định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)</i>		1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết, tham mưu Sở ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: 14 ngày 3. Hội đồng thẩm định hồ sơ, kiểm tra, có báo cáo kết quả gửi Sở: 05 ngày 4. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 02 ngày 5. Lãnh đạo Chi cục thông qua kết quả: 0,5 ngày	thôn: 02 ngày làm việc		
			05 ngày làm việc (Đối với	0,5 ngày làm việc	Phòng Quản lý Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 329/QĐ- UBND ngày

STT	STT, QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			trường họp phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, kể từ ngày nhận được văn bản báo cáo cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở)		thực vật tiếp nhận, giải quyết 03 ngày làm việc, cụ thể 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết, tổ chức thẩm định: 01 ngày 3. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 01 ngày 4. Lãnh đạo Chi cục thông qua kết quả: 0,5 ngày	Phát triển nông thôn: 01 ngày làm việc		06/2/2020

STT	STT, QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	

III. Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản

10	STT 1, Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 26/02/2020	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản 2.001827.000.00.00.H08	Đối với Cơ sở chế biến; kinh doanh; kho lạnh bảo quản; sản xuất nước đá phục vụ sản xuất và bảo quản; kinh doanh dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng sản phẩm (tại cơ sở sản xuất kinh doanh) thực phẩm nông lâm thủy sản; Cơ sở thu gom, sơ chế độc lập; cơ sở chuyên doanh thực phẩm có nguồn gốc thực vật, thủy sản; Chợ đầu mối đầu giá thực phẩm có nguồn gốc thực vật, thủy sản và hỗn hợp; Cơ sở sản xuất chế biến, kinh doanh muối, muối i-ốt.					Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 12/4/2019
			12 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Phòng Quản lý chất lượng thuộc Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản: 10 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 9	Lãnh đạo Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy	0,5 ngày làm việc	

STT	STT, QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					ngày 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 0,5 ngày	sản: 01 ngày làm việc		
Đối với Cơ sở sản xuất ban đầu; Cơ sở thu gom, sơ chế thực phẩm tại nơi trồng trọt có nguồn gốc thực vật								
			12 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Phòng Quản lý Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp nhận, giải quyết 10 ngày làm việc, cụ thể 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết: 09 ngày 3. Lãnh đạo phòng thông qua kết quả: 0,5 ngày	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: 01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	

STT	STT, QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
Đối với Cơ sở sản xuất ban đầu; Chợ đầu mối, đấu giá; Cơ sở thu gom, sơ chế, giết mổ (bao gồm cơ sở giết mổ động vật tập trung); Cơ sở chuyên doanh thực phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn.								
			12 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Phòng Thú Y thuộc Chi cục chăn nuôi và Thú y: 10 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 9 ngày 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 0,5 ngày	Lãnh đạo Chi cục chăn nuôi và Thú y: 01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	
Đối với Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm thủy sản (cơ sở nuôi trồng thủy sản, tàu cá có chiều dài từ 15 mét trở lên); Cảng cá.								

STT	STT, QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			12 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Phòng Khai thác thủy sản thuộc Chi cục Thủy sản: 10 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 9 ngày 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 0,5 ngày	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản: 01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	
11	STT 2, Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 26/02/2020	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp dưới 6 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	Đối với Cơ sở chế biến; kinh doanh; kho lạnh bảo quản; sản xuất nước đá phục vụ sản xuất và bảo quản; kinh doanh dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng sản phẩm (tại cơ sở sản xuất kinh doanh) thực phẩm nông lâm thủy sản; Cơ sở thu gom, sơ chế độc lập; cơ sở chuyên doanh thực phẩm có nguồn gốc thực vật, thủy sản; Chợ đầu mối đầu giá thực phẩm có nguồn gốc thực vật, thủy sản và hỗn hợp; Cơ sở sản xuất chế biến, kinh doanh muối, muối i-ốt.					
			12 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Phòng Quản lý chất lượng thuộc Chi cục Quản lý chất	Lãnh đạo Chi cục	0,5 ngày làm việc	

STT	STT, QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
		2.001823.000.00.00.H08			lượng Nông Lâm sản và Thủy sản: 10 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 9 ngày 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 0,5 ngày	Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản: 01 ngày làm việc		
Đối với Cơ sở sản xuất ban đầu; Cơ sở thu gom, sơ chế thực phẩm tại nơi trồng trọt có nguồn gốc thực vật								

STT	STT, QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			12 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Phòng Quản lý Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp nhận, giải quyết 10 ngày làm việc, cụ thể 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết: 09 ngày 3. Lãnh đạo phòng thông qua kết quả: 0,5 ngày	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: 01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	
			Đối với Cơ sở sản xuất ban đầu; Chợ đầu mối, đấu giá; Cơ sở thu gom, sơ chế, giết mổ (bao gồm cơ sở giết mổ động vật tập trung); Cơ sở chuyên doanh thực phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn.					
			12 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Phòng Thú Y thuộc Chi cục chăn nuôi và Thú y: 10 ngày làm việc, cụ thể:	Lãnh đạo Chi cục chăn nuôi	0,5 ngày làm việc	

STT	STT, QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 9 ngày 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 0,5 ngày	và Thứ y: 01 ngày làm việc		
Đối với Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm thủy sản (cơ sở nuôi trồng thủy sản, tàu cá có chiều dài từ 15 mét trở lên); Cảng cá.								
			12 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Phòng Khai thác thủy sản thuộc Chi cục Thủy sản: 10 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 9 ngày 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 0,5 ngày	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản: 01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	

STT	STT, QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
12	STT 3, Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 26/02/2020	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP) 2.001819.000.00.00.H08	03 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Phòng Quản lý chất lượng thuộc Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản: 1,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 01 ngày 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 0,25 ngày	Lãnh đạo Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản: 0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Đối với Cơ sở chế biến; kinh doanh; kho lạnh bảo quản; sản xuất nước đá phục vụ sản xuất và bảo quản; kinh doanh dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng sản phẩm (tại cơ sở sản xuất kinh doanh) thực phẩm nông lâm thủy sản; Cơ sở thu gom, sơ chế độc lập; cơ sở chuyên doanh thực phẩm có nguồn gốc thực vật, thủy sản; Chợ đầu mối đầu giá thực phẩm có nguồn gốc thực vật, thủy sản và hỗn hợp; Cơ sở sản xuất chế biến, kinh doanh muối, muối i-ốt.

STT	STT, QTNB giải quyết TTTC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTTC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
Đối với Cơ sở sản xuất ban đầu; Cơ sở thu gom, sơ chế thực phẩm tại nơi trồng trọt có nguồn gốc thực vật								
			03 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Phòng Quản lý Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp nhận, giải quyết 1,5 ngày làm việc, cụ thể 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết: 01 ngày 3. Lãnh đạo phòng thông qua kết quả: 0,25 ngày	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: 0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	
Cơ sở sản xuất ban đầu; Chợ đầu mối, đấu giá; Cơ sở thu gom, sơ chế, giết mổ (bao gồm cơ sở giết mổ động vật tập trung); Cơ sở chuyên doanh thực phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn.								

STT	STT, QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			03 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Phòng Thú Y thuộc Chi cục chăn nuôi và Thú y: 1,5 ngày làm việc, cụ thể: 1.Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 01 ngày 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 0,25 ngày	Lãnh đạo Chi cục chăn nuôi và Thú y: 0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	
			Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm thủy sản (cơ sở nuôi trồng thủy sản, tàu cá có chiều dài từ 15 mét trở lên); Cảng cá.					
			03 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Phòng Khai thác thủy sản thuộc Chi cục Thủy sản: 1,5 ngày làm việc, cụ thể: 1.Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày 2. Chuyên viên giải quyết:	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản: 0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	

STT	STT, QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					01 ngày 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 0,25 ngày			

IV. Lĩnh vực Khoa học Công nghệ và Môi trường

13	STT 01, Quyết định số 1952/QĐ-UBND ngày 15/5/2021	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành 1.009478.000.00.00.H08	05 ngày làm việc	Đối với sản phẩm, hàng hóa là giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật				Quyết định số 1470/QĐ-UBND ngày 23/4/2021
				0,5 ngày làm việc	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp nhận, giải quyết: 3,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phân công thụ lý: 0,5	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 0,5 ngày làm	0,5 ngày làm việc	

STT	STT, QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					ngày; 2. Chuyên viên giải quyết, tham mưu Sở ban hành Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố hợp quy cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy: 02 ngày 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông qua kết quả: 0,5 ngày 4. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông qua kết quả: 0,5 ngày	việc		
				Đối với các sản phẩm, hàng hóa là thức ăn chăn nuôi				
				0,5 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiếp nhận, giải quyết: 3,5	Lãnh đạo Sở Nông	0,5 ngày làm việc	

STT	STT, QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng Chăn nuôi phân công thụ lý: 0,5 ngày 2. Chuyên viên giải quyết, tham mưu Sở ban hành Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố hợp quy cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy: 02 ngày 3. Lãnh đạo phòng Chăn nuôi thông qua kết quả: 0,5 ngày 4. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông qua kết quả: 0,5 ngày	0,5 ngày làm việc		

STT	STT, QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
Đối với các sản phẩm, hàng hóa là thức ăn thủy sản và sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản								
			0,5 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản tiếp nhận, giải quyết: 3,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Nuôi trồng thủy sản phân công thụ lý: 0,5 ngày 2. Chuyên viên giải quyết, tham mưu Sở ban hành Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố hợp quy cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy: 02 ngày 3. Lãnh đạo Phòng Nuôi trồng thủy sản thông qua kết quả: 0,5 ngày	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc		

STT	STT, QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
V. Lĩnh vực Thủy sản								
14	STT 5, Quyết định số 5357/QĐ- UBND ngày 29/12/2020	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá 1.003590.000.00.00.H08	20 ngày (<i>Đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu</i>)	0,5 ngày	Phòng Khai thác thủy sản thuộc Chi cục Thủy sản tiếp nhận, giải quyết: 18 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 16 ngày 3. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 01 ngày	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản duyet kết quả: 01 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 2065/QĐ- UBND ngày 30/6/2022

STT	STT, QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			10 ngày làm việc <i>(Đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa phục hồi)</i>	0,5 ngày làm việc	Phòng Khai thác thủy sản thuộc Chi cục Thủy sản tiếp nhận, giải quyết: 08 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 06 ngày 3. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 01 ngày	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản duyệt kết quả: 01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	
15	STT 6, theo Quyết định số 1862/QĐ-UBND ngày 04/6/2019	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước Quốc tế về buôn bán các loại động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	03 ngày làm việc <i>(Đối với xác nhận nguồn gốc)</i>	0,5 ngày làm việc	Phòng Khai thác thủy sản thuộc Chi cục Thủy sản tiếp nhận, giải quyết: 1,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 01	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản: 0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 31/5/2019

STT	STT, QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
		1.004656.000.00.00.H08			ngày 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 0,25 ngày			
			07 ngày làm việc (Đối với xác nhận mẫu vật loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm được khai thác từ tự nhiên trước thời điểm quy định cấm khai	0,5 ngày làm việc	Phòng Khai thác thủy sản thuộc Chi cục Thủy sản tiếp nhận, giải quyết: 05 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản: 01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	

STT	STT, QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			<i>thác có hiệu lực</i>		quả: 01 ngày			
16	STT 8, theo Quyết định số 1862/QĐ-UBND ngày 04/6/2019	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản 1.004359.000.00.00.H08	06 ngày làm việc (Đối với cấp mới)	0,5 ngày làm việc	Phòng Khai thác thủy sản thuộc Chi cục Thủy sản sản tiếp nhận, giải quyết: 04 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 01 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 01 ngày	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản: 01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 31/5/2019
			03 ngày làm việc (Đối với cấp lại)	0,5 ngày làm việc	Phòng Khai thác thủy sản thuộc Chi cục Thủy sản sản tiếp nhận, giải quyết: 1,5 ngày	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản:	0,5 ngày làm việc	

STT	STT, QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 01 ngày 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 0,25 ngày	0,5 ngày làm việc		
17	STT 9, theo Quyết định số 1862/QĐ-UBND ngày 04/6/2019	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển 1.004344.000.00.00.H08	03 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Phòng Khai thác thủy sản thuộc Chi cục Thủy sản sản tiếp nhận, giải quyết: 1,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 01 ngày	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản: 0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 31/5/2019

STT	STT, QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 0,25 ngày			

VI. Lĩnh vực Thú y

18	-	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận điều kiện Vệ sinh thú y 2.002132.000.00.00.H08	15 ngày làm việc (Đối với trường hợp cấp, cấp lại do Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y hết hạn)	0,5 ngày làm việc	Phòng Chăn nuôi thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiếp nhận, giải quyết: 12 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày 2. Chuyên viên thẩm định hồ sơ, tham mưu lập đoàn kiểm tra cơ sở: 10 ngày 4. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 1 ngày	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và thú y: 02 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 3341/QĐ-UBND ngày 11/8/2021
----	---	--	---	-------------------	--	---	-------------------	---

STT	STT, QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			05 ngày làm việc (<i>Đối với trường hợp Giấy chứng nhận VSTY bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận VSTY</i>)	0,5 ngày làm việc	Phòng Chăn nuôi thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiếp nhận, giải quyết: 3 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày 2. Chuyên viên thẩm định giải quyết hồ sơ: 2 ngày 4. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 0,5 ngày	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và thú y: 01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	
Tổng cộng: 18 TTHC								